

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2025
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh Ph, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: 215A khu C, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: B/98 ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Châu D, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: 215A khu C, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ph trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đ vào năm 2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 08/8/2014.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm chia sẻ. Anh D thường xúc phạm chửi bới chị, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân chị Ph đã suy nghĩ nhiều lần và cho chồng cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả.

Sau khi kết hôn chị Ph và anh D sống tại nhà mẹ ruột chị tại ấp B, xã Đ. Khoảng thời gian năm 2018 chị và anh D sống ly thân 02 năm, đến năm 2020 đoàn tụ và sinh con thứ 2 nhưng đến năm 2023 mâu thuẫn trở lại, anh D vẫn qua lại nhà mẹ ruột chị Ph mỗi tuần 1-2 lần nhưng anh chị không gặp mặt (anh D về nhà thì chị qua nhà dì ở để tránh mặt).

Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

- Con chung: có 02 cháu là Nguyễn Châu Ngọc A, sinh ngày 11/02/2015 và Nguyễn Cường T, sinh ngày 26/9/2021. Ly hôn, chị đề nghị giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang buôn bán ở chợ Đ, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 6-7 triệu đồng, có đủ khả năng chăm sóc con cái và chi phí sinh hoạt hàng ngày, tiền học các con do chị tự chi trả, anh D không phụ tiền để chăm lo cho con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị Ph xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Bị đơn anh Nguyễn Châu D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh Ph tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên do chị Ph thường đi ăn nhậu đến 1-2 giờ sáng, bỏ bê con cái không lo nên vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau. Anh nghi ngờ chị Ph có người khác nên xin ly hôn với anh. Anh và chị Ph vẫn đang sống chung nhà, không sống ly thân nhau ngày nào. Do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, các con cũng còn nhỏ nên chị Ph xin ly hôn, anh không đồng ý và mong muốn được hòa giải đoàn tụ.

- Con chung: có 02 cháu là Nguyễn Châu Ngọc A, sinh ngày 11/02/2015 và Nguyễn Cường T, sinh ngày 26/9/2021. Hiện nay con chung đang sống cùng vợ chồng. Anh D không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con, tuy nhiên nếu theo quy định pháp luật mà Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm tài xế cho Công an huyện N, thu nhập ổn định còn chị Ph không có nghề nghiệp gì.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ánh Ph và anh Nguyễn Châu D chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 08/8/2014. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Châu Ngọc A, sinh ngày 11/02/2015 và Nguyễn Cường T, sinh ngày 26/9/2021. Theo chị Ph khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh D thường xúc phạm chửi bới chị, không có trách nhiệm với gia đình. Anh D thì khai nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph thường đi ăn nhậu đến 1-2 giờ sáng, bỏ bê con cái không lo nên vợ chồng cãi nhau, anh D nghi ngờ chị Ph có người khác. Nay chị Ph cương quyết ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Bị đơn anh D không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên khi Tòa án mời hòa giải thì anh D không tham gia, từ đó thể hiện anh D không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Ph. Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh Ph có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Châu D đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Nguyễn Thị Ánh Ph yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Châu D. Hiện nay anh D thường trú và sinh sống tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh Ph, bị đơn là anh Nguyễn Châu D.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh Ph và anh Nguyễn Châu D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 08/8/2014 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chị Ph trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không đồng cảm chia sẻ. Anh D thường xúc phạm chửi bới chị và không có trách nhiệm với gia đình nên từ năm 2023 chị và anh D sống ly thân nhau.

Tại biên bản làm việc, anh D khai nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph thường đi ăn nhậu đến 1-2 giờ sáng, bỏ bê con cái không lo nên vợ chồng cãi nhau, anh D nghi ngờ chị Ph có người khác.

Xét thấy: Anh D không đồng ý ly hôn với chị Ph và mong muốn hòa giải đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án, khi được mời hòa giải thì anh không tham gia, cũng không có ý kiến phản hồi, từ đó thể hiện anh D không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị Ph. Việc anh D nghi ngờ chị Ph có người khác nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ph và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Ph được ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị Ph và anh D khai có 02 con chung là Nguyễn Châu Ngọc A, sinh ngày 11/02/2015 và Nguyễn Cường T, sinh ngày 26/9/2021. Ly hôn, chị Ph đề nghị được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Xét thấy: Mặc dù anh D cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng anh D làm nghề tài xế, không có nhiều thời gian chăm sóc con cái. Mặt khác tại bản khai giao nộp cho Tòa án, cháu Nguyễn Châu Ngọc A có nguyện vọng được sống cùng mẹ còn cháu Nguyễn Cường T còn nhỏ nên cần được mẹ trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, để đảm bảo cho các con chung phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cho chị Ph nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật.

[3.3]. Tài sản chung: Chị Ph, anh D khai không có nên không xem xét.

[3.4]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị Ánh Ph phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 238, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh Ph về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Châu D.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Ánh Ph được ly hôn anh Nguyễn Châu D.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Châu Ngọc A, sinh ngày 11/02/2015 và Nguyễn Cường T, sinh ngày 26/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Ánh Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Châu D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022231 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

4. Chị Nguyễn Thị Ánh Ph, anh Nguyễn Châu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

